



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS THE FIRST EXPANSION
(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 2737 /QĐ - VPCNCLQG
ngày 25 tháng 9 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc
gia/ of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Sinh hóa**
Medical Laboratory: **Department of Biochemistry**

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Trung ương Quân đội 108**
Organization: **108 Military Central Hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Cẩm Thạch**
Nguyen Cam Thach

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189:2022**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 083**

Hiệu lực/ Validation: **Từ ngày 25 / 9 /2026 đến ngày 03/7/2030**

Địa chỉ/ Address : **Số 1 Trần Hưng Đạo, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**
No.1 Tran Hung Dao Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

Địa điểm/Location : **Tầng 4, Tòa nhà Trung tâm, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Số 1 Trần Hưng Đạo, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**
4th Floor, Center tower 108 Military Central Hospital, No.1 Tran Hung Dao Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

Điện thoại/ Tel: **0375383838**

Email: **ntbinh108@gmail.com**

Website: **www.benhvien108.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1**LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS FIRST EXPANSION****VILAS Med 087****Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh****Discipline of medical testing: Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương Plasma (Li –Heparin)	Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học enzyme, <i>Enzymatic kinetic</i>	QTKT.28.SH/2026 (12000)
2.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Động học Jaffe, <i>Jaffe kinetic</i>	QTKT.29.SH/2026 (12000)
3.		Định lượng alpha fetoprotein (AFP) <i>Determination of alpha fetoprotein</i>	Miễn dịch vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent Microparticle Immunoassay</i>	QTKT.30.SH/2026 (12000)
4.		Định lượng PSA toàn phần <i>Determination of Total-PSA</i>	Miễn dịch vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent Microparticle Immunoassay</i>	QTKT.31.SH/2026 (12000)
5.		Định lượng CEA <i>Determination of CEA</i>	Miễn dịch vi hạt hóa phát quang <i>Chemiluminescent Microparticle Immunoassay</i>	QTKT.32.SH/2026 (12000)

Ghi chú/ Note:

- QTKT....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Sinh hóa cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Biochemistry that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

